

Tai Ương Thứ Tư - Thiên Chúa Cho Ruồi Nhặng Ấp Xuống Đất Ai Cập: Phân Tích Đoạn Xh 8,16-28

The Fourth Plague - God Sends Swarms of Flies on Egypt's Land:
Analyzing the Passage Exodus 8:16-28

Matthew Huỳnh Minh Thiện, S.J.^{1*}

¹ Học Viện Thánh Giuse Dòng Tên, Việt Nam

* Email của tác giả liên hệ: mattheuthien2109@gmail.com

 <https://doi.org/10.54855/csl.23329>

® Copyright (c) 2023 Matthew Huỳnh Minh Thiện

Tóm lược

Trong bài nghiên cứu này, người viết sẽ đi vào tìm hiểu trích đoạn Xh 8,16-28, tai ương thứ tư: Ruồi nhặng. Bản văn không chỉ cho thấy Thiên Chúa thực hiện các dấu lạ để giải thoát con cái Ngài khỏi cảnh nô lệ, nhưng còn cho thấy sức mạnh của lời cầu nguyện phát xuất từ những ai tin theo và trông cậy vào Thiên Chúa. Đồng thời, bản văn diễn tả sự trung tín và kiên nhẫn của Thiên Chúa trước những bất tín của con người.

Từ khóa: Tai ương, ruồi nhặng, giải thoát, Ai Cập, cầu nguyện

Abstract

In this study, the writer will delve into the passage Exodus 8:16-28, the fourth plague: Flies. The text not only demonstrates God's performance of miraculous signs to liberate His people from slavery but also showcases the power of prayer emanating from those who believe in and rely on God. Additionally, the text portrays God's faithfulness and patience in the face of human disobedience.

Keywords: Calamity, flies, liberation, Egypt, prayer

Dẫn Nhập

Sách Xuất Hành được xem là quyển thứ hai trong bộ Ngũ Thư (theo như Người Do Thái nói tiếng Hy Lạp), hay Sách Luật – Torah (theo như người Do Thái nói tiếng Híp-ri). Nội dung các trình thuật sách Xuất Hành phần nào đó trình bày dòng lịch sử thăng trầm của dân tộc được Chúa chọn làm dân riêng. Nơi dòng lịch sử ấy, dân Ít-ra-en nhận ra bàn tay uy quyền của Thiên Chúa qua các biến cố Ngài thực hiện trên chính dân tộc mình. Những biến cố ấy không chỉ diễn tả quyền năng, tình thương của Thiên Chúa dành cho dân Ít-ra-en mà còn cho thấy sự trung tín của Ngài với dân Ngài đã chọn. Sau những năm dài dân Ít-ra-en ta thán và rên siết trong cảnh nô lệ trên đất Ai Cập, Thiên Chúa đã nghe tiếng họ kêu van, đã nhìn thấy cảnh sống cay đắng vì bị cưỡng bách.¹ “Thiên Chúa đã nhìn thấy con cái Ít-ra-en và Thiên Chúa đã biết ...” (Xh

¹ Xh 2,23; 6,5.

2,25). Vậy, Thiên Chúa biết con dân mình đang đau khổ và Ngài đã giải thoát con cái Ít-ra-en qua việc chọn gọi Môsê để dẫn đưa dân ra khỏi cảnh lưu đày.

Trong bài nghiên cứu này, người viết sẽ đi vào tìm hiểu trích đoạn Xh 8,16-28, tai ương thứ tư: Ruồi nhặng. Tai ương này nằm trong chuỗi trình thuật 10 tai ương (Xh 7,14-13,16). Mãi đến tai ương thứ 10, Thiên Chúa sát hại các con đầu lòng của người Ai Cập, Pha-ra-ô mới chịu để dân Ít-ra-en ra đi.² Tuy nhiên, việc tìm hiểu trích đoạn Xh 8,16-28 là để thấy được cách thức Thiên Chúa từng bước đưa dân riêng của Ngài ra khỏi sự thống trị của Pha-ra-ô. Thiên Chúa không chỉ làm một dấu lạ hay ra tay uy quyền chỉ một lần để giải thoát con cái Ít-ra-en, nhưng Ngài đã thực hiện nhiều biến cố. Qua các biến cố ấy, Pha-ra-ô cùng toàn dân Ai Cập, và kể cả cộng đồng con cái Ít-ra-en nhận biết Ngài là Đức Chúa.

Khung Cảnh, Cấu Trúc Bản Văn Xh 8,16-28

Khung Cảnh Bản Văn

Cấu trúc sách Xuất Hành có thể được chia thành ba phần chính: (I) Công cuộc Thiên Chúa giải thoát Ít-ra-en khỏi Ai Cập từ chương 1,1 đến 18,27; (II) Thiên Chúa ban hành Luật Luân Lý cho dân từ chương 19,1 đến 24,18; (III) Các chỉ thị về Phụng Tự Thánh từ chương 25,1 đến 40,38.³ Trước khi ban Luật cho dân qua Giao Ước Xinaï và ban hành các chỉ thị về Phụng Tự Thánh (về việc dựng nơi thánh, về các tư tế và việc tái lập giao ước), sách Xuất Hành bắt đầu với các trình thuật về công cuộc Thiên Chúa giải thoát dân Ít-ra-en khỏi Ai Cập. Trước hết, trình thuật sách Xuất Hành cho thấy tình cảnh dân Ít-ra-en bên Ai Cập (1,1-22) và biến cố Chúa chọn gọi Môsê để dẫn dắt dân (2,1-7,7). Sau đó, Thiên Chúa biểu lộ uy quyền và lòng thương xót của Ngài qua 10 tai ương giáng xuống vương triều Pha-ra-ô cùng toàn cõi đất Ai Cập (7,8-13,16). Đứng trước các tai ương đến từ Thiên Chúa, Pha-ra-ô không còn cách nào khác là thả dân Ít-ra-en đi (Xh 13,17). Kết thúc phần thứ nhất trong cấu trúc ba phần của Sách Xuất Hành, con cái Ít-ra-en bắt đầu hành trình dài trong sa mạc (13,17-18,27). Trong bài nghiên cứu này, đoạn trình thuật được tìm hiểu nằm trong bối cảnh Pha-ra-ô từ chối để Môsê dẫn dắt dân Ít-ra-en ra khỏi Ai Cập theo lệnh truyền của Thiên Chúa.⁴ Thế nên, Thiên Chúa đã giáng 10 tai ương xuống trên Pha-ra-ô và toàn cõi đất Ai Cập. Mục đích của Thiên Chúa qua 10 tai ương là để biểu lộ chính Ngài – “Ta là Đức Chúa.”⁵

Thiên Chúa tự biểu lộ qua những điều khác thường và luôn là như thế, để từ đó cho con người cơ hội nhận ra Ngài, cụ thể ở đây không chỉ nhằm nhắm đến Pha-ra-ô và dân Ai Cập, nhưng còn cả chính Môsê và dân Ít-ra-en.⁶ Đồng thời, Thiên Chúa bày tỏ quyền năng của Ngài qua việc phân biệt dân của Chúa với dân Ai Cập cùng với việc gia tăng tính chất nghiêm trọng trong các tai ương. Việc gia tăng tính nghiêm trọng của các tai ương được nhận thấy không chỉ qua thực tế từ tai ương nhưng còn qua đối tượng được chỉ định thực hiện các tai ương: Aharon - Môsê - Thiên Chúa.

² Xh 12,29-42.

³ Cấu trúc này được chia theo gợi ý của Walter C.Kaiser JR. X. David E. Garland, *The Expositor's Bible Commentary: Genesis – Leviticus* (Michigan: Grand Rapids, 2009), 367.

⁴ Xh 6,10-12; 7,13.

⁵ Xh 6,2.6.7.8.28; 7,5.17; 8,18; 10,2 - אֲנִי יְהוָה (ăni Yehdah) – Ta là ĐỨC CHÚA. Xh 8,6 - chẳng có ai bằng Đức Chúa; 9,14 - không có ai bằng Ta.

⁶ Xh 7,4b-5: Ta sẽ ra tay giáng phạt Ai Cập và sẽ dùng uy quyền mà đưa các binh ngũ của Ta, là dân Ta, con cái Ít-ra-en, ra khỏi đất Ai Cập. Bấy giờ, người Ai Cập sẽ biết rằng Ta là ĐỨC CHÚA, khi Ta giương cánh tay chống lại người Ai Cập và đưa con cái Ít-ra-en ra khỏi nước chúng.

- Tai ương 1 đến 3: Aharon là trợ tá của Môsê thực hiện chỉ thị của Chúa - “Đức Chúa phán với Môsê: Hãy nói với Aharon...” (Xh 7,19; 8,1; 8,12).
- Tai ương 4 đến 6: Môsê là người thực hiện chỉ thị từ Đức Chúa - “Đức Chúa phán với Môsê:” (Xh 8,16; 9,1; 9,8).
- Tai ương 5 đến 10: Chính Chúa trực tiếp giáng tai ương - “vì lần này, chính Ta sẽ giáng mọi tai ương xuống” (Xh 9,14).

Cấu Trúc Bản Văn

Từ khung cảnh khái quát trên, bài viết sẽ xoáy vào việc phân tích đoạn trình thuật tai ương thứ 4 – Tai ương Ruồi Nhặng trong Xh 8,26-28. Cấu trúc phân đoạn này được chia thành ba phần:

- a. Câu 16-20: Đức Chúa chỉ thị Môsê đến gặp Pha-ra-ô.
 - Câu 16: Định vị thời gian và không gian Môsê sẽ gặp Pha-ra-ô và truyền thông điệp của Đức Chúa.
 - Câu 17: Lời tiên báo hình phạt sẽ đến nếu Pha-ra-ô không thực hiện lệnh truyền của Đức Chúa.
 - Câu 18-19: Đức Chúa phân biệt vùng đất của dân Ít-ra-en đang cư ngụ trên lãnh địa của Ai Cập với Pha-ra-ô cùng đất đai và thân dân Ai Cập của ông.
 - Câu 20: Tai ương ruồi nhặng ập đến.
- b. Câu 21-25: Cuộc đối thoại giữa Pha-ra-ô với Môsê khi Thiên Chúa đã cho tai ương ập xuống trên đất Ai Cập.
 - Câu 21-23: Pha-ra-ô cho phép dân Ít-ra-en đi tế lễ trong chính đất Ai Cập, nhưng Môsê không bằng lòng.
 - Câu 24-25: điều kiện và đề nghị của Pha-ra-ô ra đặt ra – Môsê đáp trả.
- c. Câu 26-28: Môsê kêu cầu Đức Chúa thu hồi hình phạt giáng xuống Ai Cập, nhưng Pha-ra-ô vẫn không thả cho dân Ít-ra-en đi.
 - Câu 26-27: Thiên Chúa nhận lời cầu của Môsê.
 - Câu 28: Pha-ra-ô thất tín và lòng vẫn nặng nề cứng cõi.

Phân Tích Bản Văn Xh 8,16-28

Đoạn Thứ Nhất: Câu 16-20

Chứng cứ để phân đoạn từ câu 16-20 là việc dựa vào giọng văn thể trần thuật, ngôi thứ nhất số ít: Ta – ĐỨC CHÚA. Giọng văn chủ đạo ở đây chỉ có lời của ĐỨC CHÚA: (1) Lời của ĐỨC CHÚA phán với Môsê (Xh 8,16a); (2) Lời của ĐỨC CHÚA phán với Pha-ra-ô (Xh 8,16b-19). Câu 20 đóng vai trò là câu văn trần thuật kết đoạn và chuyển mạch để dẫn vào phân đoạn thứ hai. Đi vào chi tiết, người ta nhận thấy mô-típ quen thuộc khi mở đầu các tai ương đó là Lời Chúa phán với Môsê: “ĐỨC CHÚA phán với ông Môsê.” Tuy nhiên, đã có sự khác biệt kể từ tai ương thứ tư với ba tai ương phía trước. Thay vì Thiên Chúa phán với Môsê hãy đi nói với Aharon và qua Aharon, sứ điệp của Đức Chúa đến với Pha-ra-ô (tai ương 1,2,3),⁷ thì tai ương thứ tư Môsê nhận chỉ thị và trực tiếp thi hành chỉ thị của Đức Chúa. Điều này cho thấy rằng

⁷ Xh 7,19; 8,1.12.

tính chất của các tai ương ngày càng thêm nghiêm trọng, cụ thể như các tai ương tiếp theo sau thì chính Đức Chúa trực tiếp giáng tai ương (Xh 9,14).⁸

Khởi đầu với lời chỉ thị của Đức Chúa đối với Môsê (c.16) xác định rõ thời gian, không gian, đối tượng, và thông điệp. Thời gian vào sáng sớm ngày mai – không gian ở mé nước (sông Nin) – đối tượng là Pha-ra-ô, và thông điệp vẫn là “Hãy thả dân Ta ra, để chúng đi thờ phượng Ta”.⁹ Người ta đặt vấn đề là tại sao Chúa truyền cho Môsê đến gặp Pha-ra-ô vào buổi sáng sớm lúc nhà vua đang ở bờ Sông Nin? Mẫu thức này xuất hiện lần đầu trong tai ương thứ nhất (Xh 7,15). Sông Nin trong văn hóa Ai Cập được xem như là một vị thần, là nguồn sống của người Ai Cập. Người Ai Cập xem sông Nin như là người cha – “Father Nile.” Pha-ra-ô ra bờ sông Nin vào sáng sớm với mục đích tế tự thần mình, cầu xin sự che chở cho vương quyền của mình.¹⁰ Đang khi Pha-ra-ô đang ở bờ sông, Chúa chỉ thị Môsê đến gặp Pha-ra-ô, một lần nữa Đức Chúa nhắc lại tai ương đầu tiên Ngài đã giáng xuống Ai Cập. Đồng thời, để nhắc Pha-ra-ô rằng Thiên Chúa đã thực hiện các tai ương trên đất Ai Cập và trên chính sông Nin, nơi mà vị thần mình của Pha-ra-ô đang ngự trị. Điều này muốn truyền tải thông điệp rằng quyền năng của Thiên Chúa vượt trên các thần mình mà Pha-ra-ô cậy dựa vào. Từ thời gian và không gian ấy, Đức Chúa cho Pha-ra-ô biết ý muốn của Ngài: “Hãy thả dân Ta ra, để chúng đi thờ phượng Ta.”

Ngay sau lời yêu cầu ấy, Đức Chúa cho Pha-ra-ô biết hệ quả nếu như ông không thực hiện yêu cầu của Chúa. Ở đây, lối hành văn trình thuật việc Đức Chúa đang nói trực tiếp với Pha-ra-ô chứ không qua trung gian là Môsê: Ta (Đức Chúa) - ngôi thứ nhất; người (Pha-ra-ô) - ngôi thứ hai. Đây có thể được hiểu là Thiên Chúa muốn cho Pha-ra-ô biết rằng có một Đấng cao hơn, quyền năng trên Pha-ra-ô lẫn mọi thần mình của người Ai Cập. Đấng ấy chính là Ta, là Đức Chúa của dân Ít-ra-en. Người ta cũng nhận thấy cấu trúc quen thuộc ở câu 17: “*Nếu ... thì...*”. Đây là cấu trúc thần học thường phạt mà dòng văn chương Đệ Nhị Luật và các sách ngôn sứ sử dụng khá nhiều.¹¹ Vì thế, câu 17 được xem như lời tiên báo cho Pha-ra-ô nếu ông không thực thi lệnh truyền của Đức Chúa thì tai ương “ruồi nhặng” sẽ ập đến. Danh từ “ruồi nhặng” – פְּרָבָה (*Ārōb*)¹² được lặp lại đến 7 lần trong đoạn trình thuật này.¹³ Con số 7 lần được xem là con số biểu trưng cho sự tròn đầy, hoàn hảo và được nhắc đến nhiều lần trong Kinh Thánh. Khởi đầu sách Sáng Thế, số 7 được dùng để xác định tuần sáng tạo của Thiên Chúa. Từ “sáng tạo” cũng được nhắc đến 7 lần trong đoạn trình thuật khởi đầu này. Như thế, sau 7 ngày thế giới được hình thành và Thiên Chúa nghỉ ngơi, ban phúc lành cùng thánh hóa cho ngày thứ 7 sau khi Ngài hoàn thành công việc tạo dựng.¹⁴ Con số 7 được nhắc lại ở St 7,1-4, khi Thiên Chúa cho mưa xuống mặt đất vào ngày thứ 7 để đặt lại một trật tự mới cho thế giới. Ở đây, trình thuật về tai

⁸ Vì lần này chính Ta sẽ giáng mọi tai ương xuống trên người, trên bề tôi và dân người, để người biết rằng trên khắp mặt đất không có ai bằng Ta.

⁹ Mẫu thức này được sử dụng trong các tai ương: Xh 7,16.26; 8,16; 9,1.13; 10,3.

¹⁰ Farid Atiya, *Ancient Egypt – Standard Edition* (Egypt: Giza, Farid Atiya Press, 2006), 20-21. Thomas L. Constable, *Notes on Exodus* (Ebook, 2022 Edition), 76. <https://planobiblechapel.org/tcon/notes/pdf/exodus.pdf>

¹¹ Đnl 12; 13; 21; 24; 28; 30. Is 58. Gr 3-4.

¹² Bản LXX chuyển dịch từ פְּרָבָה (*Ārōb*) thành κυνόμυια (Kynomyian). John I. Durham không đặt vấn đề về việc chuyển dịch thuật ngữ này: κυνόμυια – *dog fly* như bản Tiếng Anh. John I. Durham, *Word Biblical Commentary – Exodus* (Colombia: Library of Congress Cataloging-in-Publication Data, 1987), 114.

Josep T. Lienhard trong chú giải của mình thì cho rằng bản dịch – κυνόμυια (Kynomyia) là chưa chính xác, mà đúng hơn phải là *Koinomyia* vì trong tiếng Do Thái thì nguyên âm đôi “oi” khi đưa vào trong từ *Koinomyia* sẽ có nghĩa rõ ràng hơn, đó là: *mọi giống loài ruồi (every genus of fly)*. X. Josep T. Lienhard, *Ancient Christian Commentary on Scripture – Old Testament III: Exodus, Leviticus, Numbers, Deuteronomy* (Illinois: Inter Varsity Press, 2001), 48.

Như vậy, danh từ giống đực פְּרָבָה (*Ārōb*) tạm hiểu là một đám côn trùng có cánh. Nhóm *Các Giò Kinh Phụng Vụ* chuyển dịch פְּרָבָה (*Ārōb*) thành *Ruồi nhặng*.

¹³ Xh 8,17 (2 lần), Xh 8,18 (1 lần), Xh 8,20 (2 lần), Xh 8,25 (1 lần), Xh 8,27 (1 lần).

¹⁴ St 1,1 – 2,4a.

ương thứ tư, danh từ “ruồi nhặng” được lặp lại 7 lần như thể là một ngụ ý thiêng liêng đi kèm với biến cố. Có thể hiểu rằng Thiên Chúa sẽ lập lại một trật tự mới và cuộc sống mới cho con cái Ít-ra-en sau khi giải thoát họ khỏi đất Ai Cập. Điều này cho thấy kế hoạch giải thoát con cái Ít-ra-en và cách thức kỳ diệu mà chỉ mình Thiên Chúa thực hiện được với vương quyền của Ngài vượt trên mọi vua chúa trần gian, kể cả Pha-ra-ô.

Thế nên, biến cố “ruồi nhặng” ập đến như là một điều kỳ lạ mà không ai lý giải được. Đó chỉ có thể là quyền năng của Thiên Chúa, vì đám ruồi nhặng đến một cách bất ngờ rồi đột nhiên biến mất (x. Xh 8,25). Hình ảnh tai ương ruồi nhặng sau này được nhắc đến trong Thánh Vịnh (x. Tv 78,45; 105,31) như thể để gợi nhớ quyền năng Thiên Chúa đã thực hiện vì tình thương và sự trung tín của Ngài với nhà Ít-ra-en. Điều này được làm rõ hơn với các câu tiếp theo sau.

Câu 18-19 cho thấy sự khác biệt giữa tai ương thứ tư với ba tai ương trước. Sự khác biệt khi Thiên Chúa “chừa ra” đất Gô-sen¹⁵ là nơi dân Ít-ra-en cư ngụ và Thiên Chúa “phân biệt” dân của Ngài với dân Ai Cập. Gô-sen là vùng đất đã được nhắc đến trong Sáng thế (x. St 45,10; 46,28-34; 47,1-6,11). Đó là vùng đồng bằng phía Đông Ai Cập mà chính Pha-ra-ô đã cấp cho gia đình ông Giu-se, khi cha ông là ông Ít-ra-en (hay còn gọi là Gia-cóp) và anh em ông khi đến Ai Cập. Gô-sen cũng là vùng đất tốt nhất trong xứ Ai Cập nơi những người làm nghề chăn nuôi gia súc sinh sống.¹⁶ Tai ương đã không ập xuống vùng đất Gô-sen nhờ lời hứa của Đức Chúa. Phải chăng đây là lần đầu tiên Thiên Chúa “phân biệt”¹⁷ dân Ít-ra-en với dân Ai Cập? Luôn có sự phân biệt giữa dân riêng của Chúa và dân Ai Cập trong các tai ương. Tai ương thứ nhất đến thứ ba, Thiên Chúa phân biệt giữa sứ giả của Ngài là Mô-sê và Aharon với Pha-ra-ô cùng các phù thủy và thần minh Ai Cập. Ba tai ương tiếp theo sau, tai ương thứ tư đến tai ương thứ sáu, Thiên Chúa phân biệt dân Ít-ra-en với dân Ai Cập. Một cách sâu xa hơn, biến cố vùng đất Gô-sen thuộc lãnh địa của Ai Cập không gặp phải tai ương là dấu chỉ Thiên Chúa muốn nhắm đến Pha-ra-ô. Qua đó, Chúa muốn Pha-ra-ô hiểu rằng Ngài đang hiện diện giữa vương quốc của ông và Ngài có uy quyền trên cả đất Ai Cập - “để người (Pha-ra-ô) biết rằng Ta là ĐỨC CHÚA, Ta ngự giữa đất này”, là đất Ai Cập.¹⁸ Đây cũng chính là câu trả lời của ĐỨC CHÚA cho câu hỏi của Pha-ra-ô ở Xh 5,2 - “ĐỨC CHÚA là ai, khiến ta phải nghe lời mà thả cho Ít-ra-en đi?”¹⁹ Đức Chúa đã trả lời cho Pha-ra-ô qua các tai ương, xét như là các dấu lạ để Pha-ra-ô nhận ra Đức Chúa của dân Ít-ra-en đang hiện diện. “Và ĐỨC CHÚA đã làm như thế” (c.20).

Kết phân đoạn thứ nhất với câu 20 được xem là câu chuyển mạch, vì lúc này giọng văn mang tính trình thuật để báo hiệu cho biết tai ương đã xảy ra. Việc tai ương xảy ra cho thấy Pha-ra-ô đã không thực hiện lời của Đức Chúa truyền vì đến lúc này dường như Pha-ra-ô vẫn chưa nhận ra Đức Chúa là ai mà khiến ông phải tuân theo lệnh truyền của Ngài từ miệng Mô-sê và Aharon. Thế nên, Thiên Chúa cho “một đám ruồi nhặng đen nghịt kéo vào cung điện Pha-ra-ô, vào nhà cửa bề tôi của vua và toàn cõi đất Ai Cập”. Có thể thấy rằng, qua câu 20, Thiên Chúa cũng đã thực hiện lời hứa của Ngài với dân Ít-ra-en sống trên vùng đất Gô-sen. Ngài đã không để ruồi

¹⁵ Durham, *Word Biblical Commentary – Exodus*, 114.

¹⁶ Garland, *The Expositor’s Bible Commentary*, 433.

¹⁷ Từ “phân biệt” ở đây được nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ chuyển dịch và dùng ở dạng động từ. Tuy nhiên, từ nguyên Do Thái được dùng trong câu này (Xh 8,19) là פָּדַח (Peduth): sự cứu chuộc/cứu độ (redemption) hay sự giải thoát (deliverance), ở dạng danh từ giống cái. Trong Cựu Ước, danh từ פָּדַח chỉ xuất hiện 4 lần (Xh 8,19 ; Tv 111,9 ; 130,7 ; Is 50,2). Danh từ פָּדַח (Peduth) phát xuất từ động từ פָּדַח (Padah): chuộc (to ransom), cứu. Theo bản LXX từ פָּדַח được dịch sang Hy Lạp là διαστολήν (diastolen) ở dạng Đối cách (Accusative) của danh từ số ít διαστολή (diastole): sự phân biệt/tách biệt. X. Durham, *Word Biblical Commentary – Exodus*, 112.

¹⁸ Garland, *The Expositor’s Bible Commentary*, 432. Durham, *Word Biblical Commentary – Exodus*, 114.

¹⁹ Jean-Louis Ska, *Introduction to Reading the Pentateuch* (Indiana: Eisenbrauns, 2006), 28.

nhặng ập xuống trên vùng Gô-sen. Thấy được rằng, Thiên Chúa vừa biểu lộ uy quyền trên cả dân Ai Cập lẫn dân Ít-ra-en nhưng vẫn luôn trung tín và nhớ đến dân riêng của Ngài khi gìn giữ vùng đất con cái Ít-ra-en cư ngụ được bình an trong tai ương.

Là câu kết cho phân đoạn đầu tiên, câu 20 còn đóng vai trò là câu dẫn vào phân đoạn thứ hai. Đứng trước tai ương ruồi nhặng, Pha-ra-ô thấy bất lực nên liền cho gọi ông Mô-sê và Aharon đến.

Đoạn Thứ Hai: Câu 21-25

Nếu như phân đoạn thứ nhất người ta thấy Lời của ĐỨC CHÚA phán với Mô-sê và với Pha-ra-ô: Ta (ĐỨC CHÚA) – ngươi (Mô-sê/Pha-ra-ô) thì phân đoạn thứ hai Thiên Chúa dường như thình lạng và chỉ còn cuộc đối thoại giữa Pha-ra-ô với Mô-sê. Không như ba tai ương trước, hình ảnh các phù thủy lúc này không còn đứng chung với Pha-ra-ô khi đối diện với Mô-sê ở tai ương thứ tư. Tai ương ập đến khiến Pha-ra-ô vội vàng triệu ông Mô-sê và Aharon (c. 21), cho thấy Pha-ra-ô đang trong tâm thế mất bình an dẫu cho ông đã trải qua ba tai ương. Thế nên, Pha-ra-ô tức khắc cho phép Mô-sê đem dân đi tế lễ là điều dễ hiểu. Có lẽ, Pha-ra-ô hy vọng việc Mô-sê đi tế lễ sẽ làm cho tai ương chấm dứt. Mô-sê đã từ chối lời đề nghị của Pha-ra-ô với lý do việc tế lễ của dân Ít-ra-en ngay trên đất Ai Cập sẽ là hành vi “ghê tởm” đối với người Ai Cập. Mô-sê có lý do để nói điều đó vì trong Sáng thế 43,32²⁰, trình thuật về việc Giu-se gặp lại cha và các anh em của ông cũng đề cập đến vấn đề người Ai Cập không dùng bữa với người Híp-ri, vì “đó là điều ghê tởm đối với người Ai Cập”. Người ta không nói rõ nguyên nhân vì sao người Ai Cập lại ghê tởm với thức ăn và của lễ của người Híp-ri. Câu trả lời ở St 46,34 - “bởi vì người Ai Cập ghê tởm mọi người làm nghề chăn chiên.”²¹

Với lý do đó, Mô-sê chủ động đưa ra đề nghị cho Pha-ra-ô ở câu 23. Giải pháp đi “ba ngày đường để vào sa mạc tế lễ” làm người ta giả định Mô-sê sẽ đưa dân Ít-ra-en khỏi ách nô lệ Ai Cập trong ba ngày. Ba ngày là khoảng thời gian mà dân Ít-ra-en có thể đi một chặng đường khá xa khỏi lãnh thổ Ai Cập và thoát khỏi tầm kiểm soát của Pha-ra-ô. Ở đây, cụm từ “ba ngày” trong Kinh Thánh thường liên hệ đến các mầu nhiệm hay các nghi lễ phụng tự của dân Ít-ra-en. Sau khi rời khỏi đất Ai Cập ba tháng, ông Mô-sê lên núi Xinaï, và sau khi xuống núi ông bảo dân: *Trong ba ngày, anh em phải chuẩn bị sẵn sàng* (x. Xh 19,14). Dân Ít-ra-en dâng lễ tế lên Thiên Chúa vào ngày thứ ba và được thanh tẩy cũng chính vào ngày thứ ba. Liên hệ đến Tân Ước, con số ba ngày gắn với biến cố Phục Sinh.²² Hình ảnh Chúa Giê-su trong Tân Ước như thể là một Mô-sê mới sẽ giải thoát nhân loại khỏi ách nô lệ của tội lỗi sau “ba ngày” – Từ Nạn rồi Phục Sinh vào ngày thứ ba.²³ Như thế, “ba ngày” được xét như là quãng thời gian mà dân Ít-ra-en trong Cựu Ước sẽ được giải thoát khỏi đất Ai Cập, hướng đến Tân Ước người ta sẽ được lãnh nhận một cuộc giải thoát mới nhờ Đức Giê-su.

Sau lời gợi ý của Mô-sê ở câu 23, Pha-ra-ô nhận lời trong tâm thế miễn cưỡng để dân Ít-ra-en đi tế lễ. Người ta dễ dàng nhận thấy rằng trong tình cảnh tai ương đang làm cho cư dân Ai Cập kinh hoàng, khiến Pha-ra-ô buông lời hứa để dân Ít-ra-en ra đi: “Ta sẽ thả các ngươi ra, để các ngươi đi tế lễ ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa các ngươi trong sa mạc; chỉ có điều là không được đi quá xa” (c.24a). Pha-ra-ô đưa ra điều kiện giới hạn khoảng cách đi tế lễ với mục đích không

²⁰ Người ta dọn riêng cho ông, riêng cho họ và riêng cho những người Ai Cập cùng ăn với ông, vì người Ai Cập không thể dùng bữa với người Híp-ri: đó là điều ghê tởm đối với người Ai Cập.

²¹ Durham, *Word Biblical Commentary – Exodus*, 115.

²² Mt 27,63; Mc 8,31.

²³ Lienhard, *Ancient Christian Commentary on Scripture*, 98.

để dân Ít-ra-en ra khỏi tầm kiểm soát của ông. Tuy nhiên, có một chi tiết đáng chú ý ở câu 24b, đó là lời đề nghị của Pha-ra-ô: “Các người hãy cầu cho ta.” Đây là điều đáng ngạc nhiên bởi lẽ trong ba tai ương trước người ta không nhận thấy Pha-ra-ô tỏ thái độ này. Với đòi hỏi này, có thể lý giải rằng Pha-ra-ô bắt đầu nhận thấy sức mạnh và quyền năng thực sự phát xuất từ Đức Chúa và Mô-sê là người có thể đại diện, thay mặt cho ông đến khẩn cầu với Đức Chúa. Ở điểm này cũng có thể lý giải thêm rằng Pha-ra-ô có phân hối hận về việc ông đã chống đối lại Đức Chúa. Hành động này tương tự như trong 1V 22,29²⁴, vua A-kháp hối hận sau khi ông Êlia tuyên cáo án lệnh của Đức Chúa vì vua này đi theo các tượng thần của người A-mô-ri và làm điều dữ trái mắt Đức Chúa. Giống như tai ương thứ hai (tai ương Éch nhái), khi các phù thủy của Ai Cập không thể đuổi Éch nhái đi thì Pha-ra-ô cũng cần Mô-sê cầu xin Đức Chúa. Suy cho cùng, trong câu 24, Pha-ra-ô biết chắc là ai đã đem lại tai ương và bằng cách nào để tai ương biến mất. Dầu vậy, ông vẫn ra điều kiện và yêu cầu với Mô-sê là hãy cầu xin cho ông. Trải qua kinh nghiệm ba tai ương trước, dường như Pha-ra-ô hiểu được vị thế của Mô-sê trước mặt Đức Chúa. Phần nào đó, Pha-ra-ô cũng biết rằng Đức Chúa sẽ nhận lời Mô-sê cầu xin mà dù lòng thương xót với Ai Cập. Nhưng diễn tiến thuật tiếp theo sau, người ta nhận thấy rằng Pha-ra-ô là một kẻ lợi dụng Mô-sê và lật lọng trong lời hứa, nếu không muốn nói là thất hứa.

Câu 25 là lời hứa của Mô-sê với Pha-ra-ô. Lần này, để tránh kịch bản đã xảy ra như lần trước (tai ương thứ hai: Éch Nhái), đó là việc Pha-ra-ô đã hứa sau khi éch nhái ra xa khỏi cung điện và dân của ông, ông sẽ thả dân Ít-ra-en, nhưng ông đã nuốt lời (Xh 8,4). Mô-sê nhắc lại sự bất tín của Pha-ra-ô: “xin bệ hạ đừng phỉnh gạt hoài.” Trong tai ương thứ hai, Mô-sê đã trung tín khi thực hiện lời hứa, Pha-ra-ô thì ngược lại. Sự trung tín của Mô-sê cách sâu xa diễn tả sự trung tín, kiên nhẫn và lòng thương xót của Thiên Chúa đối với kẻ bất tín Pha-ra-ô, là đại diện cho vương quốc Ai Cập.

Đoạn Thứ Ba: Câu 26-28

Câu 26-28 không còn là giọng văn của Đức Chúa phán với Mô-sê (c.16a), cũng chẳng với Pha-ra-ô (c.16b-19), hay giọng văn đối thoại giữa Mô-sê và Pha-ra-ô (c.21-25). Giọng văn giờ đây quay lại với thể trần thuật như câu 20. Câu 26-27, tường thuật việc Mô-sê đã thực hiện lời hứa với Pha-ra-ô và Thiên Chúa đã nhận lời tội tớ Người cầu xin. Câu 28 được xét là câu đúc kết tai ương với cái hậu vẫn là sự bất tín của Pha-ra-ô.

Với đề nghị của Pha-ra-ô (c.24), Mô-sê nhận lời đi khẩn cầu cùng Đức Chúa và Đức Chúa đã thực hiện lời ông cầu xin. Dầu chỉ rõ ràng cho thấy Đức Chúa nhận lời khẩn cầu của Mô-sê, nói đúng hơn đó là lời khẩn cầu của Pha-ra-ô qua trung gian Mô-sê, là “Người khiến ruồi nhặng rời khỏi Pha-ra-ô, khỏi bề tôi và dân của vua, không sót lại con nào” (c.27). Như thế, Mô-sê đã trung tín với Pha-ra-ô là cầu xin Thiên Chúa tha thứ cho Pha-ra-ô và dân Ai Cập. Có thể thấy rằng Đức Chúa đã nhượng bộ với điều kiện hay lời khẩn cầu của Pha-ra-ô. Ngài đã thực hiện lời cầu xin của tội tớ Ngài là Mô-sê thay cho Pha-ra-ô.²⁵ Cho đến lúc này, Pha-ra-ô dường như nhận biết nguyên nhân các tai ương phát xuất từ đâu vì trước đó (tai ương thứ ba: Muối) các phù thủy đã thưa với Pha-ra-ô: “Đó là ngón tay của Thiên Chúa!” (Xh 8,15a). Đồng thời, qua các tai ương đã xảy ra, người ta thấy Pha-ra-ô bất lực và thần minh của ông cũng không có quyền năng cùng sức mạnh để khôi phục trật tự cho Vương quốc Ai Cập khi gặp phải tai ương.²⁶

²⁴ Người có thấy A-kháp đã hạ mình trước mặt Ta thế nào không? Vì nó đã hạ mình trước mặt Ta nên Ta sẽ không giáng họa trong buổi sinh thời của nó, nhưng đến đời con nó, Ta sẽ giáng họa xuống nhà nó.

²⁵ Durham, *Word Biblical Commentary – Exodus*, 115.

²⁶ Các phù thủy dùng phù phép của mình cũng làm như thế để bắt muối phải ra khỏi đất Ai Cập, nhưng không được. Muối cứ ở lại trên thân thể người ta và thú vật. (Xh 8,14)

Dẫu vậy, trình thuật cho biết “lòng Pha-ra-ô vẫn nặng nề cứng cõi; vua không chịu thả cho dân đi” (Xh 8,25). Không có gì đáng ngạc nhiên khi Pha-ra-ô thất tín, vì ông đã thất tín một lần trước đó.²⁷ Ở đây có thể đặt vấn đề, (1) phải chăng Pha-ra-ô quá thiên cận hay cố chấp khi đã phải đối diện với bốn tai ương mà vẫn không khuất phục trước uy quyền của Thiên Chúa. Hay (2) Thiên Chúa muốn lòng ông ra chai đá để Ngài tiếp tục biểu lộ uy quyền trên đất Ai Cập, để Pha-ra-ô và thần dân cùng mọi thần minh Ai Cập biết rằng chẳng có thần minh nào ngoại trừ một mình Đức Chúa. Quan điểm (2) dường như được ủng hộ hơn vì trong trình thuật về việc Thiên Chúa gọi Mô-sê để sai ông đi gặp Pha-ra-ô ở đầu chương Xh 7,3-5, Thiên Chúa đã báo trước điều này cho Mô-sê.²⁸ Thiên Chúa có nhất thiết phải làm cho Pha-ra-ô ra cứng lòng hay không? Thiên Chúa đã làm như vậy. Độc giả có thể thấy khó hiểu ở điểm này, tuy nhiên, điều này cho thấy Thiên Chúa có quyền và sức mạnh khiến cho kẻ thù “cứng lòng” một cách chính đáng để qua đó Ngài biểu dương uy quyền của Ngài trong việc giải thoát dân Do Thái khỏi ách nô lệ Ai Cập.

Lòng Pha-ra-ô ra cứng cõi và ông đã bất tín khi không chịu thả dân Ít-ra-en đi như lời ông hứa với Mô-sê. Từ sự bất tín liên kết đến việc lòng Pha-ra-ô ra nặng nề cứng cõi để thấy được biến cố các tai ương xảy ra trên đất Ai Cập là có chủ đích kép bởi Thiên Chúa. Trước hết, Thiên Chúa muốn giải thoát dân Ít-ra-en ra khỏi kiếp nô lệ. Thứ đến, Thiên Chúa vẫn muốn tiếp diễn những điều phi thường trên toàn cõi đất Ai Cập để không chỉ Pha-ra-ô cùng toàn dân Ai Cập, mà còn cả con cái Ít-ra-en nhận ra Thiên Chúa đang ngự giữa đất Ai Cập. Thêm vào đó, phải chăng Thiên Chúa muốn thực hiện điều ngôn sứ Ê-dê-ki-en nhắc đến: “Ta sẽ ban cho chúng một trái tim và đặt thần khí mới vào lòng chúng. Ta sẽ lấy khỏi mình chúng trái tim chai đá và ban cho chúng một trái tim bằng thịt, để chúng đi theo các thánh chỉ của Ta và tuân giữ cùng thi hành các quyết định của Ta” (Ed 11,19-20).²⁹

Như thế, đoạn trình thuật này cho thấy việc Mô-sê trung tín trong lời hứa, trong khi Pha-ra-ô bất tín. Một lần nữa, Pha-ra-ô không trả tự do cho dân Ít-ra-en. Tuy nhiên, việc Pha-ra-ô bất tín trong lời hứa của mình với Mô-sê lại nằm trong kế hoạch của Thiên Chúa vì lòng Pha-ra-ô ra cứng cõi bởi ý định của Thiên Chúa.

Đức Kết

Trình thuật về các tai ương diễn ra trên đất Ai Cập được ghi chép lại trong sách Xuất Hành như là dấu chứng vĩ đại cho thấy Đức Chúa không bỏ rơi nhà Ít-ra-en. Mặc dù ở tai ương thứ tư (Xh 8,16-28) dân Ít-ra-en chưa được giải thoát nhưng qua trình thuật này, người ta nhận thấy cách thức Thiên Chúa đã ra tay uy quyền để giải thoát con cái Ít-ra-en khỏi cảnh lưu đày trên đất Ai Cập. Bằng nhiều cách và qua nhiều biến cố đã thực hiện, Thiên Chúa không chỉ muốn cứu dân riêng của Ngài nhưng còn muốn biểu lộ cho dân Ai Cập cũng như dân Ít-ra-en thấy được quyền tối thượng của Người. Không phải Pha-ra-ô và cũng chẳng phải các thần minh Ai Cập có quyền giam giữ hay trả tự do cho dân Ít-ra-en, nhưng chính Thiên Chúa mới là Đấng quyết định mọi sự. Sau khi giải thoát dân Ít-ra-en ra khỏi sự thống trị của Ai Cập, Thiên Chúa vẫn tiếp tục hiện diện để hướng dẫn con cái Ít-ra-en trong mọi sinh hoạt thường ngày, trong đời sống luân lý và phụng tự qua việc ban Luật cùng đặt để các tư tế để hướng dẫn dân sống theo Luật ấy.

²⁷ Thấy tạm yên, lòng Pha-ra-ô lại ra nặng nề cứng cõi, vua không nghe lời các ông, như ĐỨC CHÚA đã nói trước. (Xh 8,11)

²⁸ ĐỨC CHÚA phán với ông Mô-sê: “Khi người ra đi để trở về Ai Cập, người hãy nhìn xem: mọi điều lạ lùng Ta đã ban cho người có quyền làm, thì người sẽ làm trước mặt Pha-ra-ô. Nhưng Ta, Ta sẽ làm cho nó cứng lòng và nó sẽ không thả cho dân đi. (Xh 4,21)

²⁹ Lienhard, *Ancient Christian Commentary on Scripture*, 30.

Ứng Dụng

Xh 8,16-28 không chỉ là việc Thiên Chúa thực hiện các dấu lạ để giải thoát con cái Ngài khỏi cảnh nô lệ, nhưng còn cho thấy sức mạnh của lời cầu nguyện phát xuất từ những ai tin theo và trông cậy vào Thiên Chúa. Đồng thời, đoạn trình thuật còn diễn tả sự trung tín và kiên nhẫn của Thiên Chúa trước những bất tín của con người. Qua đó, con người cũng được mời gọi hãy kiên trì và trung thành trong đức tin.

Kinh nghiệm dân Ít-ra-en sống cảnh lưu đày không chỉ xảy ra trong Cựu Ước nhưng kéo dài mãi đến tận Tân Ước. Xã hội Ít-ra-en dường như thăng thì ít mà trầm thì nhiều. Tình cảnh của dân Ít-ra-en xưa kia cũng không xa lạ gì với dòng lịch sử chung của con người. Cách chung, trong những cảnh lầm than, lưu đày và nô lệ thì nơi ấy con người nhận được nhiều ơn ban từ Thiên Chúa. Để đón nhận ơn ban của Thiên Chúa, hay để được Ngài đoái thương nhìn đến “tiếng rên siết”³⁰ của con người đang sống trong cảnh nô lệ thì con người cần đến đức tin. Thiên Chúa thương nhìn đến nỗi thống khổ của con người đó là một hồng ân, và con người cần đến đức tin không chỉ để nhận biết, để đáp trả lại ân huệ ấy mà còn để cậy dựa vào Thiên Chúa.

Nhìn lại các biến cố tai ương Thiên Chúa đã giáng xuống đất Ai Cập để giải thoát con cái Ít-ra-en thì không thể bỏ qua hình ảnh Môsê đi cầu nguyện, hay khẩn cầu Đức Chúa xua tan dịch bệnh. Đó là hình ảnh của những ai có lòng tin và trông cậy vào Thiên Chúa, chỉ riêng mình Ngài. Thiên Chúa đã nhận lời cầu của Môsê và Ngài xua tan các tai ương (Xh 8,9; 8,27; 9,33; 10,19).³¹ Lời cầu khẩn của Môsê được Thiên Chúa nhậm lời vì ông có đức tin, và ông ý thức được mình đang tin vào Đấng nào. Đồng thời, Môsê biết lắng nghe và thực thi lệnh truyền của Thiên Chúa dù khởi đầu ông đã thoái thác khi được Thiên Chúa chọn gọi. Con người hôm nay cũng được Thiên Chúa chọn gọi để tin tưởng và tín thác vào Ngài. Thế nên, điều cần thiết là con người cần có tự do để đáp trả lời mời gọi của Thiên Chúa. Chỉ có trong tự do, con người mới hiểu và cảm nhận sức mạnh của đức tin như Môsê. Từ đó, trong mọi nghịch cảnh của cuộc sống, người có đức tin luôn biết chạy đến khẩn cầu Thiên Chúa. Chắc hẳn Thiên Chúa sẽ xót thương nhậm lời cho những ai tin tưởng và biết cậy dựa vào Ngài.

Tuy vậy, đức tin cũng cần đòi hỏi sự trung tín và kiên nhẫn. Trình thuật các tai ương trong Xuất Hành cho thấy Thiên Chúa hằng trung tín với những gì đã hứa ban cho Môsê và Aharon. Ngài cũng luôn kiên nhẫn với những lần thoái thác của Môsê.³² Thế nên, Môsê đã trở nên trung tín và kiên nhẫn trong sứ mạng dẫn dắt dân Ít-ra-en. Lời cầu của Môsê với Thiên Chúa giúp chấm dứt các tai ương. Như vậy, phải chăng mọi lời cầu nguyện sẽ được như ý? Không có câu trả lời chắc chắn cho câu hỏi này. Con người luôn muốn Thiên Chúa theo ý mình. Thiên Chúa thì không bị điều kiện hóa bởi bất kỳ yếu tố nào. Người tín hữu sẽ dễ dàng rơi vào khủng hoảng khi điều mình cầu xin không được đáp ứng như ý sở nguyện. Điều này có thể đưa đến việc bất tín vì thiếu lòng kiên nhẫn. Đức tin sẽ được tôi luyện trong thử thách. Ai kiên nhẫn chờ đợi và đón nhận thử thách sẽ được Thiên Chúa xót thương.

Thật vậy, lời cầu nguyện đẹp lòng nhất không phải là việc muốn Thiên Chúa theo ý mình nhưng chính là xin được theo ý Chúa. Như Môsê và Aharon đã làm theo những gì Đức Chúa truyền³³ và Thiên Chúa đã thực hiện những gì các ông cầu xin, thì người tín hữu cũng cần noi theo như

³⁰ Xh 6,5.

³¹ Trong sách Dân Số 17:12-13, trình thuật cho biết Thiên Chúa đã cho chấm dứt tai họa Ngài giáng xuống trên dân Ít-ra-en khi Môsê và A-ha-ron làm nghi thức xin xá tội cho dân.

³² Xh 3,11; 4,1.10.13.

³³ Xh 7,6.

vậy. Thế nhưng, để có được kinh nghiệm như Môsê, người tín hữu cần có tương quan cá vị với Thiên Chúa trong đức tin. Đức tin ấy cần được xây dựng trên nền tảng tự do để trong thử thách người tín hữu vẫn luôn trung thành và kiên nhẫn để tín thác vào quyền năng và sự quan phòng của Thiên Chúa.

Tài liệu tham khảo

Durham I. John (1987). *Word Biblical Commentary – Exodus*, 115. ISBN: 978-0849902024. Thomas Nelson Inc

Farid Atiya, *Ancient Egypt – Standard Edition* (Egypt: Giza, Farid Atiya Press, 2006), 20-21. Thomas L. Constable, *Notes on Exodus* (Ebook, 2022 Edition), 76. <https://planobiblechapel.org/tcon/notes/pdf/exodus.pdf>

Garland, *The Expositor’s Bible Commentary*, 432. Durham, *Word Biblical Commentary – Exodus*, 114.

Jean-Louis Ska (2006). *Introduction to Reading the Pentateuch*. Indiana: Eisenbrauns.

Walter C.Kaiser JR. X. David E. Garland, *The Expositor’s Bible Commentary: Genesis – Leviticus* (Michigan: Grand Rapids, 2009), 367.

Biodata

Matthew Huỳnh Minh Thiện là tu sỹ Dòng Tên, Việt Nam, và là sinh viên Thần học năm 1 tại Học Viện thánh Giuse Dòng Tên, Việt Nam.

Matthew Huynh Minh Thien is a Jesuit of the Society of Jesus, Vietnam. He is also a first-year student of Theology at Saint Joseph Jesuit Scholasticate, Vietnam.